

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2021.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đàm Văn Nhạ**.
Ông **Phạm Thế Tuấn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Thiêm Mẫn** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nông Thị L**, sinh năm 1988 (Có mặt);
 2. Bị đơn: Anh **Lưu Văn H**, sinh năm 1989 (Vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

*** Về hôn nhân:** Chị **Nông Thị L** xây dựng gia đình với anh **Lưu Văn H** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/6/2011. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống cùng gia đình chị L ở thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó do anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn dẫn đến hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh H chơi bời đã được chị L và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Năm 2013 anh H bỏ vào miền nam đi làm thuê và từ khi vào miền nam làm thuê anh H cũng chỉ về được 02 lần nhưng khi về thì anh H cũng chỉ ở nhà ông

Phương Văn H là cậu ruột của anh H ở thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn khoảng 02 ngày lại đi vào miền nam, không về thăm chị L và con. Việc anh H bỏ đi làm ăn không quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh H.

*** Về con chung:** Hai vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Nông Ngọc D, sinh ngày 14/8/2011. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay con chung đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, nợ chung:**

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Đối với bị đơn anh Lưu Văn H: Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh H thông qua ông Phương Văn H là cậu ruột của anh H. Theo như ông H trình bày trong biên bản sự việc và biên bản xác minh thì anh H không có địa chỉ, nơi làm việc cụ thể ở trong miền nam, anh H có nhờ ông H nhận hộ các văn bản tố tụng của Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng, ông H có gọi điện thông báo nội dung của văn bản tố tụng cho anh H biết nhưng anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L mà chỉ trao đổi với ông H là đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo quy định của pháp luật, không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, thông báo, triệu tập họp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt mặc dù anh H được người thân thông báo và biết nội dung các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt. Do vậy, đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nông Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn H.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Nông Ngọc D, sinh ngày 14/8/2011 cho chị L nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng do chị L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Văn H. Bị đơn anh Lưu Văn H có khẩu thường trú tại: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Người nhận các văn bản tố tụng trên là ông H cậu ruột của anh H (Bố của Anh H đã chết còn mẹ thì đã lấy chồng và chuyển đi sinh sống ở nơi khác) đã cam đoan sẽ thông báo đến anh H nội dung của các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt. Tại các biên bản làm việc ngày 30/11/2020; 17/12/2020 và ngày 24/02/2021 ông Phương Văn H là cậu ruột của anh H đều khẳng định anh H vẫn thường xuyên liên lạc với ông H và ông H đã thông báo lại nội dung các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt cho anh H biết. Thông báo lại cho anh H biết yêu cầu của Tòa án là anh H phải có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ việc ly hôn hoặc có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Yêu cầu anh H cung cấp địa chỉ cụ thể nơi hiện nay anh H đang làm việc để Tòa án liên hệ làm việc, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh H vẫn không cung cấp địa chỉ nơi đang làm việc, anh H cũng không về để đến Tòa án theo yêu cầu của Tòa và anh H cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Mặc dù anh H biết được việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị L và anh H. Được người thân thông báo lại nội dung các văn bản tố tụng, các yêu cầu của Tòa án. Nhưng anh H vẫn cố tình dấu diếm địa chỉ, không hợp tác, gây khó khăn, kéo dài quá trình Tòa án giải quyết vụ việc. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Rì tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lưu Văn H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn được một thời gian anh H bỏ vào miền nam làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị L và anh H cũng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là được ly hôn với anh H.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị L và anh H có 01 (Một) con chung tên là Nông Ngọc D, sinh ngày 14/8/2011, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang sống cùng chị L. Xét đề nghị của chị L sau khi ly hôn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung (Phù hợp với nguyện vọng của con chung) và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện. Mặt khác, tuy anh H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ việc ly hôn của hai vợ chồng nhưng anh H không có ý kiến về việc có nguyện vọng được nuôi con hay không nên yêu cầu của chị L là phù hợp, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L trình bày hai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh H không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nông Thị L đối với anh Lưu Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nông Ngọc D, sinh ngày 14/8/2011 cho chị Nông Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Lưu Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị L xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06917, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Võ Thanh Bình

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Đàm Văn Nhạ Phạm Thế Tuấn

Võ Thanh Bình